TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **Thành phố H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **449**/2018/QĐST-HNGĐ	*T , ngày 18 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Ông Phạm Quang Vinh H , sinh năm: 1987

Địa chỉ: 150/10 T, phường T, quận T , Tp. H.

Người yêu cầu: Bà Phan Thị Thảo V , sinh năm: 1994

Địa chỉ: 23A đường B, phường P, quận T , Tp. H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Quang Vinh H và bà Phan Thị Thảo V .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang Vinh H và bà Phan Thị Thảo V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông H và bà V , chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2015, quyển số 01/2015 ngày 09/5/2015 của UBND phường T, quận T , Tp. H cấp cho ông H và bà V không còn

giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông H và bà V chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền ông bà đã tạm nộp lệ phí theo biên lai số 0010865 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T .

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. T ;
- UBND phường T, quận T , Tp. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

Lê Công Huân